

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/HS-ST
Ngày 09/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh.

Ông Nguyễn Trọng Tảo.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Ngọc Dũng, là Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; nơi sinh: xã Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn L, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị N (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Y; có ba con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 12 tháng 9 năm 2012, bị Công an huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc; ngày 29 tháng 5 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ) xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về Tội đánh bạc; bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 9 năm 2025 cho tới nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D: ông Phan Tiến M, là Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1960; nơi sinh: xã V, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn L, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/7; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị K; có chồng là Nguyễn Văn K; có hai con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 9 năm 2025 cho tới nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà NLC1, có mặt.
2. Bà NLC2, vắng mặt.
3. Chị NLC3, vắng mặt.
4. Chị NLC4, có mặt.
5. Anh NLC5, vắng mặt.
6. Bà NLC6, vắng mặt.
7. Bà NLC7, vắng mặt.
8. Chị NLC8, vắng mặt.
9. Anh NLC9, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16 tháng 4 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thành D bê một khung lan can bằng kim loại ra đặt ở mép bờ sông trước cửa nhà ở thôn L, xã Y, tỉnh Ninh Bình. Lúc này bị cáo Nguyễn Thị Đ là hàng xóm nghe thấy tiếng động nên đi ra kiểm tra, phát hiện một phần khung lan can lấn sang phía trước cửa nhà chị NLC4 (là con gái của bị cáo Đào). Bị cáo Đ nói “*này, nói anh T biết anh đừng làm cái chuyện như này nhé*” (T là tên thường gọi ở nhà của bị cáo D), rồi cầm một đầu khung lan can bê ra giữa đường, làm khung lan can bị gãy tại mối hàn, khiến quả kim loại hình cầu rơi ra khỏi khung lan can. Thấy vậy, bị cáo D quay ra chửi bị cáo Đ, hai bên xảy ra cãi chửi nhau.

Lúc này, chị NLC3 (là con gái của bị cáo D) đi ra, tranh cãi với bị cáo Đ. Bị cáo D nói với chị NLC3 “*tao cho mày đánh chết mẹ nó đi*”. Bà NLC1 (là vợ của bị cáo D) đứng trước cửa nhà cũng cãi chửi nhau với bị cáo Đ. Khi bị cáo Đ đang cãi nhau với chị NLC3 và bà NLC1 thì bị cáo D đang ngồi giữ khung lan can tại bờ sông, liền tháo chiếc dép nhựa tổ ong ở chân phải lao đến và ném về phía bị cáo Đ nhưng không trúng. Bị cáo D tiếp tục tháo chiếc dép còn lại ném trúng vào vùng vai sau lưng bên phải của bị cáo Đ, làm chiếc dép rơi xuống

sông. Bị cáo Đ bị ném liên quay ra chửi nhau với bị cáo D. Bị cáo D bê nửa khung lan can bằng kim loại lên nói “*tao lao chết luôn*” và định lao về phía bị cáo Đ. Lúc này, anh NLC5 (là con rể của bị cáo Đ) và chị NLC4 (con gái của bị cáo Đ) đang đứng ở tầng 2 nhà chị NLC4. Chị NLC4 dùng điện thoại của anh NLC5 quay lại sự việc, còn anh NLC5 đứng quan sát và nói “*bà cứ đứng im cho nó lao*”, chị NLC4 cũng nói theo “*bà đứng đấy, bà đứng đấy*”. Thấy vậy, bà NLC1 và chị NLC3 lao vào ôm, can ngăn bị cáo D nên bị cáo bỏ khung lan can xuống đường rồi đi đến khu vực chân cầu trước cửa nhà.

Trong khi bị cáo Đ vẫn tiếp tục tranh cãi với chị NLC3, bị cáo D nhặt một đoạn gậy tre khô màu trắng, cứng, kích thước khoảng (40x4x1)cm (theo lời khai của bị cáo D) ném về phía bị cáo Đ. Bị cáo Đ lùi chân phải, xoay người sang phải, đồng thời đưa hai tay lên trước ngực để đỡ thì đoạn tre trúng vào mặt trước khuỷu tay phải của bị cáo Đ, sau đó văng về phía nhà bị cáo Đ. Bị cáo Đ kêu đau rồi dùng tay xoa khuỷu tay phải và tiếp tục chửi bị cáo D bằng những lời lẽ thô tục. Chị NLC4 đang quay video đã yêu cầu bị cáo Đ dừng lại nhưng bị cáo Đ vẫn tiếp tục chửi bới. Sau đó, bà NLC6 (hàng xóm) đến khuyên bị cáo Đ về nhà nhưng bị cáo Đ không nghe, vẫn tiếp tục chửi bị cáo D. Bị cáo D tiếp tục chạy ra khu vực chân cầu, cầm đoạn tre định đánh bị cáo Đ nhưng được vợ con can ngăn, kéo vào nhà. Bà NLC7 (hàng xóm) đến can ngăn, khuyên bị cáo Đ dừng lại nhưng bị cáo Đ vẫn tiếp tục chửi bới. Bị cáo D tiếp tục có hành vi cầm khung lan can, nhặt đá định ném nhưng đều bị vợ con can ngăn, kéo bị cáo D vào trong nhà. Bị cáo Đ về nhà, chị NLC4 dùng điện thoại chụp lại vết thương tại khuỷu tay phải và vùng ngực trái của bị cáo Đ.

Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo Đ không đi khám ngay mà đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 do vết thương vùng ngực trái sưng, bầm tím nên đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định khám và điều trị từ ngày 21 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025 thì ra viện. Sau đó, bị cáo Đ làm đơn tố cáo gửi Công an xã Y và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đề nghị xử lý hành vi của bị cáo D theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành thu giữ các vật chứng của vụ án, gồm:

- Hai khung lan can bằng kim loại. Một khung lan can dài 3,2m và một khung lan can dài 3,34m. Cả hai khung lan can đều có đặc điểm: một đầu hình trụ dài 75cm, đường kính 9cm. Khung lan can hình chữ nhật kích thước (61x4x2)cm, có ba thanh ngang, trong đó thanh ngang dài nhất 3,23m, các thanh ngang còn lại dài 3,13m.

- Một quả kim loại hình cầu, đường kính 10cm.

- Thu giữ hai đoạn video. Một video quay bằng camera nhà chị NLC4, một video quay bằng điện thoại của anh NLC5 (ký hiệu A1, A2), ghi lại diễn biến sự việc, được lưu trong một USB nhãn hiệu SanDisk niêm phong trong túi niêm phong để phục vụ giám định.

- Một chiếc dép nhựa màu trắng, loại dép tổ ong, dép bên phải của bị cáo D sử dụng ném trúng vào vùng vai sau lưng bên phải bị cáo Đ.

- Một áo sơ mi dài tay, có họa tiết hoa văn màu nâu vàng trên nền màu đen, cúc màu đen dạng cúc bấm (áo cũ, đã qua sử dụng); một áo dạng áo phông cộc tay, vải co giãn, màu xanh có họa tiết hoa văn màu nâu vàng, xanh (áo cũ, đã qua sử dụng); một áo lót (áo ngực) màu trắng, có gắn hai đường ren hai bên, khóa cài dạng móc bằng kim loại đã bị rỉ sét (áo cũ, đã qua sử dụng), liên quan đến bị cáo Đ bị gây thương tích.

- Mười hai thanh tre màu xanh vàng, thanh dài nhất dài 01m, thanh ngắn nhất dài 90cm, thanh rộng nhất 2,5cm, thanh nhỏ nhất rộng 02cm, độ dày mỗi thanh là 01cm, thu giữ của bà NLC6 (hàng xóm).

Đối với một đoạn tre khô màu trắng, cứng, kích thước khoảng (40x4x1)cm mà bị cáo D sử dụng ném bị cáo Đ là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra chưa thu giữ được. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục truy tìm để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) ra quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với bị cáo Đ. Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh Nam Định (cũ) có bản Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 69/25/TgT, kết luận: Dấu hiệu tổn thương chính qua giám định và nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Trần dịch màng phổi trái, không phải phẫu thuật: 03% (Bảng 1, chương 3, mục III.1). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%. Cơ chế hình thành vết thương: Do vật tày cứng tác động gây thương tích.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nam Định (cũ) đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với hai đoạn video đã thu giữ (ký hiệu A1, A2). Ngày 20 tháng 6 năm 2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định (cũ) có bản Kết luận giám định số 953/KL-KTHS, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong toàn bộ mẫu giám định (ký hiệu A1, A2).

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với hai đoạn video đã thu giữ (ký hiệu A1, A2). Ngày 17 tháng 9 năm 2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công

an tỉnh Ninh Bình có bản Kết luận giám định số 700/KL-KTHS, kết luận: Không đủ cơ sở để xác định một vật dài chuyển động về phía bị cáo Đ tại thời điểm 22h09'36'' trong mẫu video giám định (ký hiệu A1) là vật gì. Không đủ cơ sở xác định vật đó trúng vào vị trí nào trên cơ thể bị cáo Đ.

Xét thấy, hành vi của bị cáo D và bị cáo Đ đã gây mất trật tự tại khu dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ngày 09 tháng 9 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo D và bị cáo Đ về hành vi gây rối trật tự công cộng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bà NLC1 và chị NLC3, mặc dù có lời nói tranh cãi với bị cáo Đ nhưng mục đích của bà NLC1, chị NLC3 là để can ngăn việc bị cáo D và bị cáo Đ cãi chửi nhau. Còn anh NLC5 và chị NLC4 thì đứng ở sân tầng hai nhà chị NLC4 nói can ngăn bị cáo Đ. Do đó, bà NLC1, chị NLC3, anh NLC5 và chị NLC4 không phạm tội, không đồng phạm với bị cáo D và bị cáo Đ về Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 (dưới đây viết tắt là Bộ luật Hình sự) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình không khởi tố bị can đối với bà NLC1, chị NLC3, anh NLC5 và chị NLC4.

Đối với thương tích của bị cáo Đ tại vùng ngực trái, có dấu hiệu tràn dịch màng phổi trái, không phải phẫu thuật, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%, theo kết luận giám định xác định cơ chế hình thành thương tích do vật tày, cứng tác động. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình xác định chưa đủ căn cứ chứng minh thương tích nêu trên do hành vi bị cáo D dùng dép hoặc đoạn tre ném gây ra. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết, cần thiết phải tách hành vi bị cáo D dùng dép và đoạn tre ném vào người bị cáo Đ cùng các tài liệu, vật chứng liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 05 tháng 12 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số B6402/QĐ-VPCQCSĐT. Vật chứng được tách ra gồm: một USB lưu trữ hai đoạn video; một chiếc dép nhựa màu trắng, loại dép tổ ong, dép bên phải; một áo sơ mi dài tay, có họa tiết hoa văn màu nâu vàng trên nền màu đen, cúc màu đen dạng cúc bấm, đã qua sử dụng; một áo dạng áo phong cộc tay, vải co giãn, màu xanh có họa tiết hoa văn màu nâu vàng, xanh, đã qua sử dụng; một áo lót (áo ngực) màu trắng, có gắn hai đường ren hai bên, khóa cài dạng móc bằng kim loại đã bị rỉ sét, đã qua sử dụng.

Đối với mười hai thanh tre màu xanh vàng thu giữ của bà NLC6, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà NLC6.

Cáo trạng số 36/CT-VKS-KV8 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình đã truy tố: bị cáo D về Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ về Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D và bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và những tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ án đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình thực hành quyền công tố, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo như bản cáo trạng đã ban hành và đã đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo D và bị cáo Đ phạm Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo D từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 318; các điểm s, i và x khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với: hai khung lan can bằng kim loại, một khung lan can dài 3,2m, một khung lan can dài 3,34m và một quả kim loại hình cầu, đường kính 10cm.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo D, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo D có một phần lỗi của bị cáo Đ, bị kích động về tinh thần, mang tính bột phát; bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại về tài sản; đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại địa phương bị cáo là người có trách nhiệm với cộng đồng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ thường xuyên đau ốm, bị cáo là lao động duy nhất; gia đình của bị cáo nhiều năm được công nhận là gia đình văn hóa. Áp dụng điểm e, h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Xét hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về tội danh đối với hành vi của các bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo D và bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ những lời khai mà các bị cáo và những người làm chứng đã khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác còn lại đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án cũng như là các vật chứng của vụ án đã thu giữ. Nên đã có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 07 phút đến 22 giờ 20 phút ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trục đường đi của thôn L, xã Y, tỉnh Ninh Bình, trước cửa nhà bị cáo D, do mâu thuẫn cá nhân, bị cáo Đ đã có hành vi chửi bới, cãi nhau với bị cáo D. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, bị cáo D cũng có hành vi chửi bới, dùng dép ném hai lần về phía bị cáo Đ; dùng một đoạn gậy tre kích thước khoảng (40x4x1)cm ném về phía bị cáo Đ; đồng thời cầm hai khung lan can bằng kim loại, lần lượt có chiều dài 3,2m và 3,34m là vật có khả năng gây nguy hiểm, đe dọa đánh bị cáo Đ. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự tại khu dân cư, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm

ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Trật tự công cộng là trạng thái ổn định, nề nếp trong sinh hoạt, đi lại, giao tiếp của cộng đồng dân cư tại nơi công cộng; việc duy trì trật tự công cộng là điều kiện cần thiết để bảo đảm đời sống bình thường, an toàn cho xã hội. Việc các bị cáo có hành vi cãi chửi, đe dọa, sử dụng các vật có khả năng gây nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn cá nhân tại khu dân cư, vào thời điểm ban đêm, nơi có nhiều người sinh sống, đã làm mất ổn định sinh hoạt của người dân xung quanh, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, từ đó làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo D, hành vi phạm tội thể hiện tính chất manh động, coi thường pháp luật và thiếu kiềm chế. Khi phát sinh mâu thuẫn, bị cáo không chỉ dừng lại ở việc cãi chửi mà còn sử dụng nhiều vật khác nhau để tấn công, đe dọa người khác. Cụ thể, bị cáo đã dùng dép ném nhiều lần về phía bị cáo Đ; sử dụng đoạn gậy tre ném về phía bị cáo Đ; đồng thời cầm hai khung lan can bằng kim loại có kích thước lớn, chiều dài lần lượt là 3,2m và 3,34m là những vật có trọng lượng, độ cứng và khả năng gây sát thương cao để đe dọa đánh bị cáo Đ. Hành vi này không chỉ tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác mà còn làm gia tăng mức độ phức tạp, căng thẳng của sự việc, gây mất trật tự khu dân cư trong một khoảng thời gian nhất định.

Đối với bị cáo Đ, mặc dù không sử dụng hung khí nguy hiểm và không có hành vi trực tiếp sử dụng vật để tấn công người khác, nhưng bị cáo đã có hành vi chửi bới, làm phát sinh và kéo dài mâu thuẫn với bị cáo D tại khu vực công cộng. Hành vi của bị cáo đã góp phần làm tình hình trật tự tại khu dân cư trở nên phức tạp, gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt bình thường của những người xung quanh.

Do đó, cần buộc các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, tương xứng với nhân thân của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Đối với bị cáo D, trước lần phạm tội này, vào năm 2012 đã bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, năm 2018 bị Tòa án xử phạt tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị

cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có thời gian tham gia thanh niên xung phong tại đơn vị C3 - Tổng đội Thanh niên xung phong 26/3 - Biên giới phía Bắc, là đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào điểm 1 khoản 1 Điều 3 của Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020, bị cáo thuộc trường hợp người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo D, trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo có nhiều đóng góp trong việc xây dựng các công trình văn hóa, công trình dân sinh tại địa phương, gia đình bị cáo nhiều năm được chính quyền địa phương công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo và căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, xét thấy:

Đối với bị cáo D cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội mang tính bộc phát do mâu thuẫn cá nhân, hậu quả xảy ra chưa đến mức đặc biệt nghiêm trọng, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Đối với bị cáo Đ, bị cáo có hành vi chửi bới làm phát sinh, kéo dài mâu thuẫn, góp phần gây mất trật tự công cộng. Bị cáo không sử dụng hung khí nguy hiểm, vai trò trong vụ án có phần hạn chế hơn so với bị cáo D. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và khả năng tự cải tạo tốt. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được

hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Đối với bà NLC1 và chị NLC3, mặc dù có lời nói tranh cãi với bị cáo Đ nhưng mục đích của bà NLC1, chị NLC3 là để can ngăn việc bị cáo Đ và bị cáo Đ cãi chửi nhau. Còn anh NLC5 và chị NLC4 thì đứng ở sân tầng hai nhà chị NLC4 nói can ngăn bị cáo Đào. Do đó, bà NLC1, chị NLC3, anh NLC5 và chị NLC4 không phạm tội, không đồng phạm với bị cáo Đ và bị cáo Đ về Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Do đó, việc cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố bị can đối với những người này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Đối với thương tích của bị cáo Đ tại vùng ngực trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%, theo kết luận giám định xác định cơ chế hình thành thương tích do vật tày, cứng tác động: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra, chưa đủ cơ sở xác định thương tích nêu trên do hành vi bị cáo Đ dùng dép hoặc đoạn tre ném gây ra. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình tách hành vi của bị cáo Đ cùng các tài liệu, vật chứng có liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật theo là đúng quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với hai khung lan can bằng kim loại, gồm một khung lan can dài 3,2m và một khung lan can dài 3,34m, đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, hiện còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với hai đoạn video ghi lại diễn biến sự việc (ký hiệu A1, A2) được lưu trữ trong 01 USB màu đen, nhãn hiệu SanDisk, một áo sơ mi dài tay, một áo dạng áo phong cộc tay, một áo lót (áo ngực), một chiếc dép nhựa màu trắng, loại dép tổ ong (dép bên phải), được tách ra để tiếp tục điều tra nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với mười hai thanh tre màu xanh vàng, xét thấy vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D và bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 9 năm 2025.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; các điểm i, s và x khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước hai khung lan can bằng kim loại, gồm một khung lan can dài 3,2m và một khung lan can dài 3,34m, cả hai khung lan can đều có đặc điểm: một đầu hình trụ dài 75cm, đường kính 9cm, khung lan can hình chữ nhật kích thước (61x4x2)cm, có ba thanh ngang, trong đó thanh ngang dài nhất 3,23m, các thanh ngang còn lại dài 3,13m và một quả kim loại hình cầu, đường kính 10cm.

(Vật chứng được xử lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 32/2026 ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành D và bị cáo Nguyễn Thị Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo Nguyễn Thành D và bị cáo Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Phòng PC 01, PV 10, PV 06 Công an tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường